

QUAN HỆ VỀ GIỚI VÀ QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HÓA TRONG GIA ĐÌNH Ở TRẺ EM (Nghiên cứu tại nội thành TP.HCM)

NGUYỄN XUÂN NGHĨA *



Thế giới tuổi thơ

Ở Việt Nam trong những năm vừa qua, các nghiên cứu về giới mang tính thời thượng, tuy nhiên ít có nhà nghiên cứu quan tâm đến quá trình xã hội hóa về giới (gender socialization), một vấn đề theo chúng tôi là căn bản, nếu muốn nói đến sự thăng tiến quyền bình đẳng về giới. Xã hội hóa về giới được hiểu là quá trình học hỏi của cá nhân để trở thành những người đàn ông, những người phụ nữ trong xã hội bằng cách nội tâm hóa những chuẩn mực, giá trị về giới và bằng cách học hỏi đóng những vai trò về giới theo sự mong đợi của một xã hội nhất định. Theo hiểu biết của chúng tôi, nghiên cứu quá trình xã hội hóa về giới ở trẻ em Việt Nam có tính hệ thống là công trình của Helle Rystrom (1998). Tuy nhiên tác giả, qua phương pháp quan sát trực tiếp, cũng chỉ đề cập đến quá trình xã hội hóa về giới ở các trẻ em gái ở một vùng nông thôn thuộc tỉnh Hà Tây, miền Bắc.

* Thạc sĩ, Phó Trưởng Khoa Xã hội học, Đại học Mở TP.HCM

Thật ra quá trình xã hội hóa về giới là một vấn đề rất thú vị và gần gũi, bởi lẽ câu hỏi đầu tiên được đặt ra khi bà mẹ sinh em bé: "Trai hay gái?". Câu trả lời không chỉ cho ta biết giới tính của trẻ mà còn cho ta hình dung hướng phát triển cả cuộc đời của đứa bé.

Nhiều lối tiếp cận xã hội học đã cố gắng giải thích quá trình xã hội hóa về giới. Tuy nhiên chúng ta có thể gom thành bốn khuynh hướng chính : các lý thuyết sinh vật học xã hội, các lý thuyết về học hỏi xã hội (G.H. Mead, Bandura, Mischel), các lý thuyết nhận thức (J. Piaget), các lý thuyết động thái tâm lý (S. Freud, N. Chodorov) (Nguyễn Xuân Nghĩa, 2000, 77-122). Bài viết này không có mục đích kiểm định các lý thuyết trên mà qua việc phối hợp các lối tiếp cận lịch sử, nhân học và xã hội học(1), chỉ muốn trình bày các kết quả của một nghiên cứu có tính mô tả và thăm dò về vấn đề đang được đề cập, hòng gợi lên những hướng suy nghĩ.

1. Vài nét về quan hệ về giới trong gia đình Việt Nam truyền thống :

Trước hết chúng ta đề cập đến quan hệ về giới trong gia đình truyền thống(2). Một cách tổng quát sự phát triển văn hóa Việt Nam có thể chia thành các giai đoạn sau : giai đoạn văn hóa bản địa, giai đoạn trao đổi với văn hóa Trung Quốc và các nước trong vùng, giai đoạn tiếp xúc với văn hóa Tây phương và giai đoạn từ khi độc lập (Tran NgọcThem, 2001).

Đặc điểm của giai đoạn văn hóa bản địa được hình thành từ nền văn hóa đặt trên cơ sở trồng lúa nước. Đặc điểm kinh tế này ảnh hưởng quan hệ giới qua tâm lý người nông dân gắn bó với gia đình, trọng người phụ nữ. Người phụ nữ trong xã hội này được kính trọng và có nhiều bình đẳng do nhiều lý do: trước hết là do hoạt động quan trọng của người phụ nữ trong nghề trồng lúa nước ("Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa"); là do các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm kéo dài trong lịch sử, người đàn ông phải vắng gia đình, người phụ nữ vô hình chung trở thành cột trụ gánh vác mọi công việc trong gia đình. Rất nhiều tục ngữ, ca dao đã phản ánh tình huống này: "Lệnh ông không bằng công bà", "Nhất vợ nhì trời". Từ lâu người phụ nữ Việt Nam không những được xem là người quản lý kinh tế và tài chính trong gia đình, "tay hòm chìa khóa" mà còn nắm vai trò quyết định trong việc giáo dục nhân cách cho con cái: "Phúc đức tại mẫu", "Con dại cái mang". Trong ngôn ngữ Việt, từ "cái" ngoài nghĩa là "mẹ", còn có nghĩa "to lớn", "quan trọng", "chính", ví như "sông cái", "đường cái", "đũa cái", "cột cái", "trống cái", "ngón tay cái", "máy cái"... Trong lãnh vực tôn giáo tín ngưỡng, nét văn hóa này thể hiện qua Đạo Mẫu và các tín ngưỡng phồn thực.

Sau này, với ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, gia đình truyền thống của người Việt trở thành loại hình gia đình phụ quyền và tính phụ quyền càng gia tăng với ảnh hưởng của Nho giáo.

Theo Nho giáo, nam giới có thể đa thê trong khi nữ giới phải chỉ có một chồng - "traị năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng". Bốn phận của người vợ thể hiện qua câu nói: "Phụ xướng, phụ tùy", "Chồng chúa, vợ tôi". Và càng rõ ràng hơn với các nguyên tắc "Tam tòng", "Tứ đức".

Quan hệ giữa nam nữ cũng bị cấm đoán hoặc hạn chế: "Nam nữ thụ thụ bất thân". Người ta đề cao yếu tố nam và hạ thấp yếu tố nữ: "Dương thiện, âm ác", "Nam tôn, nữ ti". Trong giao tiếp, sự phân công theo giới rất rõ rệt: "nam ngoại, nữ nội". Ngay trong không gian gia đình, khu vực dành cho phụ nữ là "nhà dưới", nhà bếp. Phòng dành cho phụ nữ thường tối tăm, ẩm thấp (Lê Thị Nhâm Tuyết, 1975). Người phụ nữ theo phong tục "không được vượt quá ngưỡng cửa nhà trên". Người

lại, người đàn ông không phải làm những công việc nội trợ trong gia đình: "Quân tử viễn bào trù" (Người quân tử phải xa lánh bếp núc).

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của nền văn hóa bản địa, tổ chức xã hội cổ truyền của Việt Nam không chỉ hoàn toàn là bản sao của gia đình phụ quyền Trung Quốc. Nghiên cứu đối chiếu các bộ luật thời nhà Lê, bộ luật Hồng Đức cho ta thấy khác với gia đình phụ quyền Trung Quốc với sự thống trị tuyệt đối của người cha, "quyền hành yếu của cha mẹ, chủ nghĩa cá nhân ở trẻ em, và sự phát triển không đầy đủ quan niệm về dòng họ xem ra là những đặc điểm của đại bộ phận gia đình truyền thống Việt Nam" (Nguyen The Anh, 1996, 62). Trong thực tế, bộ luật này thừa nhận quyền người phụ nữ được thừa kế, sở hữu tài sản và có được bình đẳng với người phối ngẫu.

Nhưng sau này với bộ luật Gia Long, được ban hành vào đầu thế kỷ XIX, vị thế về mặt pháp luật của người vợ bị hạn chế theo khuôn mẫu chế độ phụ quyền chặt chẽ của bộ luật nhà Minh. Điều này đã đưa đến các phản ứng chống lại sự chuyên chế, đạo đức giả của Nho giáo mà điển hình là Hồ Xuân Hương sau này (Dinh Trong Hieu, 1996, 113).

Chế độ thuộc địa Pháp đã đem đến những thay đổi lớn trên nhiều lãnh vực của xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Những thay đổi trong kinh tế, cơ cấu xã hội, văn hóa đã có tác động đến gia đình. Trong việc chọn lựa người bạn đời, tình yêu và ước muốn của thanh niên trở thành yếu tố quyết định và thay cho sự sắp xếp như trước đây của cha mẹ. Các thanh niên mới kết hôn cũng không còn sống chung với cha mẹ trong cùng một mái nhà nên có nhiều độc lập hơn. Các mối quan hệ giữa vợ chồng, cha mẹ con cái càng ngày càng cởi mở hơn, thoáng hơn. Tỷ lệ phụ nữ đi làm và có lương bổng càng ngày càng gia tăng và điều này đem lại cho họ sự độc lập kinh tế và bình đẳng trong quan hệ với chồng và gia đình, dòng họ.

Trong việc hình thành nhân cách của trẻ em, gia đình vẫn còn là tác nhân xã hội hóa quan trọng. Nhưng những cải cách trong hệ thống giáo dục do người Pháp mang lại đã đem đến những biến đổi. Thêm vào đó với sự xuất hiện của chữ Quốc ngữ, trẻ em nữ từ đây có thể đến trường. Khác với trước đây đạo của

Thánh hiền chỉ dành cho nam giới. Trong những năm 1920, tầng lớp thanh niên ưu tú được đào tạo qua các cơ sở giáo dục chịu ảnh hưởng nền giáo dục Pháp trong các đô thị mong muốn được giải phóng khỏi những tập quán cổ hủ. Nhóm Tự Lực Văn đoàn tiêu biểu cho khuynh hướng tiến bộ này, cổ vũ cho tình yêu, chống lại tục đa thê, nạn tảo hôn, cổ vũ quyền tự do của cha mẹ trong giáo dục con cái.

Việc giáo dục trẻ em trong gia đình, theo nhà sử học Đào Duy Anh, từ khẩu hiệu "Hi sinh cá nhân cho gia đình" đã trở thành "Tôn trọng nhân cách của trẻ em".

2. Quá trình xã hội hóa về giới:

Trong bài viết này quá trình xã hội hóa được thể hiện trên các khía cạnh sau : trong các phong tục, cấm kỵ của người phụ nữ khi mang thai; mong ước của cha mẹ qua việc đặt tên cho con trai, gái; qua cách ăn mặc của trẻ em nam, nữ; trong phân công công việc trong gia đình; trong cách giáo dục và chờ đợi ở gia đình...

- Các tập tục, cấm kỵ:

Cũng như các tộc người khác ở Việt Nam, người Việt không chỉ giáo dục con cái khi chúng sinh ra mà trong quan niệm truyền thống của người Việt, những biến cố xảy ra trong quá trình mang thai của người mẹ cũng ảnh hưởng lên tính nết, nhân cách, hình dáng của đứa bé khi sinh ra. Do đó ở người Việt có rất nhiều tục lệ, kiêng kỵ: người phụ nữ mang thai phải kiêng giữ không được buồn tủi, hờn giận, ghen tuông bởi lẽ sẽ ảnh hưởng đến tính khí của đứa bé sau này. Có nhiều kiêng kỵ trong ăn uống, ví như không được ăn chuối sinh đôi, ăn trứng hai lòng, không được dùng nhiều gia vị. Ngược lại việc ăn trứng ngỗng, uống nước dừa có thể cho ra đời các em bé thông minh, da trắng trẻo. Một số người quan niệm ăn đồ nóng, thịt của những con vật trên mặt đất như (bò, gà, heo...) thì sinh con trai và ngược lại ăn thịt những loài chim, thủy, hải sản... thì sinh con gái.

Các tập tục kiêng cử trên đa phần bị chi phối bởi nguyên tắc liên tưởng và quan niệm về âm dương trong vũ trụ quan truyền thống của người Việt Nam. Theo đó nam giới thường được gắn liền với yếu tố dương, phụ nữ

yếu tố âm.

- Thuộc tính của trai, gái qua việc đặt tên con:

Trên nguyên tắc, tên chính của nam nữ không hoàn toàn cho phép ta phân biệt được giới tính. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, căn cứ vào ý nghĩa của tên chính ấy, phối hợp tên chính với tên đệm (Văn, Thị...), dựa vào thói quen của người Việt, ta có đoán được tương đối chính xác một tên nam hay nữ.

Những cách đặt tên cho con trai có thể theo những đặc điểm sau:

- những phẩm chất, đức tính mạnh mẽ: Trung, Hiếu, Hùng, Dũng, Thành, Kiên, Cường, Can, Đảm...

- những mong ước, hoài bão về sự nghiệp: Thành, Đạt, Công, Danh, Sự, Nghiệp, Huy Hoàng...

- những dụng cụ, hoạt động trong lãnh vực võ thuật, quân sự: Côn, Quyền, Cung, Kiếm, Cước, Chưởng, Thành, Lũy, Quân, Binh, Sĩ, Chiến, Đấu, Tranh...

- những hiện tượng to lớn, trọng yếu trong thiên nhiên: Thiên, Nhật, Sơn, Phong, Vũ, Quốc...

- các loại thú to, mạnh, dữ: Hổ, Dã, Tượng, Voi, Long, Lân, Kinh, Nặc...

- các loài cây to cao: Tùng, Bách, Thông, Đa, Lâm...

- các dụng cụ học tập, thi cử: Mực, Bút, Viết, Nghiên, Kinh, Sử...

Cách đặt tên cho con gái có thể theo những đặc điểm sau:

- những phẩm hạnh của con gái: Công, Dung, Ngôn, Hạnh, Ngoan, Hiền, Dịu, Thảo

- mang tên các loài chim đẹp, hót hay: như Loan, Phụng (Phượng), Oanh, Yến, Quyên, Họa Mi, Sơn Ca...

- một số loài hoa đẹp, mềm mại: Mai, Hồng, Huệ, Lan, Cúc...

- những loài cây nhỏ, yếu diệu như: Trúc, Mai, Liễu...

- các vật dụng trang sức: Lụa, Sa, Nhung, Lĩnh, The, Xuyên, Gấm, Cẩm...

- các trái cây có vị chua (hiện nay ít đặt): Chanh, Quýt, Mơ, Dâu...

Như vậy, trong cách đặt tên cho con,

người Việt Nam nói chung đã có một ý thức phân biệt nam, nữ rất rõ và tên của bé trai bé gái đã ít nhiều mang những mong ước, hoài bão của cha mẹ đối với con cái mình (Nguyễn Thế Truyền, 2000, 8).

- Xã hội hóa về giới qua cách ăn mặc, hành vi, cử chỉ và qua đồ chơi, trò chơi:

Từ khi sinh ra đến khoảng hai tuổi, về cách ăn mặc, màu sắc, kiểu dáng áo quần chưa có sự phân biệt nhiều giữa trẻ trai và gái. Nhưng dần dần cũng xuất hiện những khác biệt không chỉ về kiểu dáng mà cả màu sắc. Những màu trắng, xanh, đen, với các mô típ sọc, caro thường được dành cho con trai. Cách ăn mặc của con trai cũng đơn giản hơn. "Con trai mặc vải dày hơn, sậm hơn để lỡ có đùa nghịch, cũng đỡ rách, đỡ dơ..." Con gái thì mặc vải bông, hoa, vải mềm hơn, mỏng hơn, có thể có màu sắc tươi tắn hơn, lòe loẹt hơn, cầu kỳ hơn.

Từ hai tuổi trở đi, cách dạy về hành vi cử chỉ cũng bắt đầu có những khác biệt lớn giữa trẻ trai và gái. Trước hết trong hành vi cử chỉ, cha mẹ dù thuộc tầng lớp xã hội nào vẫn hướng các con về các khuôn mẫu: con trai phải có những hành vi mạnh mẽ, cứng rắn, con gái dịu dàng, nhẹ nhàng, ý tứ.

Trong việc giáo dục những hành vi cho trẻ, trẻ nam ít bị đưa vào khuôn phép hơn, dễ dãi hơn, thoáng hơn: "con gái phải ăn xem nồi, ngồi xem hướng, ngồi ở đâu cũng phải khép nép, ăn nói nhỏ nhẹ, con trai thì sao cũng được..." (NL8, nữ, không biết chữ); "con trai thì sao cũng được, đừng r.ói tục làm bậy thì thôi, còn con gái đi đứng ăn nói phải ý tứ, công dung ngôn hạnh (NL 9, Nam, 43 t); "con trai không cần khuôn phép mấy" (NL49, nam 40 t) "... con trai cũng dạy kính trên nhường dưới, nhưng thoáng hơn con gái" (NL7, nữ, trình độ học vấn đại học);

Vì sao phải có những khuôn mẫu khác biệt như vậy cho trẻ nam và trẻ nữ? Theo ý kiến của một số bậc cha mẹ, những khuôn mẫu hành vi đó là do bản chất tâm sinh lý khi sinh ra, là nhằm chuẩn bị cho trẻ em trai, gái đảm nhận những vai trò sau này. Nói chung họ xem những khác biệt trong những khuôn mẫu ứng xử này là "tự nhiên".

* Đồ chơi, trò chơi:

Đồ chơi gắn liền với trẻ em, ngay khi trẻ mới được một vài tháng tuổi, cha mẹ cũng đã mua cho các em đồ chơi treo nhiều màu, hay những đồ chơi phát ra những âm thanh được treo quanh nôi để giúp trẻ phát triển giác quan. Lên một hai tuổi, đã có sự quan tâm theo giới tính đối với đồ chơi của trẻ. Các bé gái có được những con búp bê đầu tiên trong cuộc đời, những "đồ hàng" để chơi buôn bán. Và các bé trai bắt đầu có được các loại xe mô tô, xe hơi các loại, súng, kiếm, máy bay, tàu thủy, hỏa tiễn... Thoạt đầu những loại đồ chơi này bằng đất sét, bằng nhựa, bằng gỗ, nhưng khi trẻ bắt đầu lớn lên các em bắt đầu có những đồ chơi bằng kim loại và kể cả gắn động cơ.

"Cho con trai chơi súng, kiếm - bằng nhựa thôi - là để tạo tính tình mạnh mẽ" (NL 89). Đó cũng là lý do phổ biến của các bậc cha mẹ khi chọn đồ chơi cho con theo giới tính.

Ngay cả với những đồ chơi - như những con thú nhỏ mà chúng ta vẫn thường nghĩ cha mẹ đã chọn lựa một cách tình cờ, nhưng chính chúng cũng biểu hiện những sự khác biệt về giới. Bảng 1 cho thấy tỷ lệ phần trăm khá cao các em gái thích con thỏ (72.7%), con chó (56.4%), con mèo (42.7%). Các em thích các con thú này vì: "thỏ trắng, mềm, hiền, dễ thương" "con mèo hiền, dễ thương, lông mịn...", "chó hiền, trung thành, khôn ngoan", "thích thỏ, mèo vì chúng nhỏ bé, yếu ớt..."

Về các trò chơi, ở đây chúng ta có thể trở lại sự phân biệt của G. H. Mead về chơi đóng vai (play, role playing) và trò chơi (games) trong quá trình phát triển nhân cách và hình thành cái tôi ý thức (self) nơi trẻ em. Ở lứa tuổi từ hai tuổi trở đi,

Bảng 1 : Tỷ lệ % những con thú đồ chơi được trẻ yêu thích nhất (phân theo giới tính của trẻ)

Con thú:	Nữ	Nam
- con thỏ:	72.7	23.6
- con chó:	56.4	43.8
- con mèo:	42.7	23.6
- con voi:	18.2	32.6
- con khủng long:	6.4	39.3
- con sư tử:	2.7	36.0

trẻ em bắt đầu nhận thức có những khuôn mẫu hành vi trong xã hội thể hiện trước hết nơi những người thân quen của trẻ, như ba mẹ, anh chị em, cô giáo ở nhà trẻ, cô y tá, bác sĩ... hay của các nhân vật các em được nghe kể, đọc trong truyện hay trên các phương tiện truyền thông đại chúng như vô tuyến truyền hình. Và loại hình trò chơi đầu tiên là các em diễn lại vai trò của những người thân quen kể trên. Theo G. H. Mead, loại trò chơi này đơn giản vì chỉ cần hình dung vai trò của một loại người trong một tình huống. Ở đây cũng đã thấy có sự khác biệt về giới. Các em gái Việt thường thích chơi các trò chơi đóng vai "vợ chồng", chơi nội trợ, làm y tá bác sĩ, làm cô giáo, người bán hàng... Các em trai ngoài vai trò của người cha, thường còn đóng các vai trò tài xế, thích làm những người hùng trong các truyện cổ tích, thích đóng vai các hiệp sĩ với cung, kiếm, kể cả các vai Batman, hay Tôn Ngộ Không.

* Phân công công việc trong gia đình:

Việc phân công việc trong gia đình - một phương cách của quá trình xã hội hóa về giới - cho ta thấy sự tồn tại dai dẳng của mô hình văn hóa truyền thống (Bảng 2). Truyền thống gia đình người Việt thấm nhuần tinh thần tập thể, do đó trẻ em phải lao động rất sớm. Các em có thể giúp gia đình trong công việc nội trợ, công việc đồng áng. Việc lao động biểu hiện sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm của các em với tư cách là một thành viên trong gia đình, do đó đôi lúc năng suất làm việc không phải là trọng tâm.

		Nam(%)	Nữ(%)	X ²	P
- quét nhà	Không làm:	20	12	2.3	0.109
	Có làm:	80	88		
- ủi áo quần	Không làm:	45.6	30.3	4.93	0.026
	Có làm:	54.4	69.7		
- giặt quần áo	Không làm:	51.7	29.6	9.92	0.00163
	Có làm:	48.3	70.4		
- rửa chén bát	Không làm:	48.9	25.9	11.19	0.00082
	Có làm:	51.1	74.1		
- nấu ăn	Không làm:	66.3	40.4	13.19	0.00028
	Có làm:	33.7	59.6		
- đi chợ	Không làm:	70	41.3	16.38	0.00005
	Có làm:	30	58.7		
- sửa điện	Không làm:	66.7	94.4	25.46	0.00000
	Có làm:	33.3	5.6		

Bảng 2 : Công việc trong gia đình, phân chia theo giới

Việc tham gia công việc trong gia đình có khác biệt rõ ràng giữa trẻ em nam và trẻ em gái. Chỉ có việc quét nhà thì cả hai giới đều có làm và không có sự khác biệt lắm giữa nam và nữ ($X^2 = 2.3$; $p = 0.10$). Những công việc khác từ ủi áo quần, giặt áo quần, rửa chén bát, nấu ăn, đi chợ đều có sự khác biệt giữa trẻ em trai và trẻ em gái. Và trong những công việc nội trợ này tỷ lệ trẻ em nữ tham gia nhiều hơn. Ngược lại công việc sửa chữa những dụng cụ trong gia đình, sửa điện... là công việc của nam giới.

Trong thực tế, hoàn cảnh cụ thể của từng hộ gia đình chi phối việc phân chia lao động giữa các thành viên trong gia đình: gia đình khá giả hay nghèo khó, gia đình có thuê mướn người làm việc không, trong gia đình có cả hai giới không, qui mô của gia đình, tuổi tác, vị thứ của trẻ

trong gia đình... Ví như, có 58% trẻ nữ trong các gia đình khá giả giúp mẹ làm bếp, trong khi tỷ lệ này ở những gia đình nghèo là 85%. Nhưng tần số mà trẻ trai hay trẻ gái làm một số công việc nào đó vẫn cho ta thấy những khuôn mẫu truyền thống về lao động phân chia theo giới (bảng 2). Việc thực hiện những công việc trong gia đình thay đổi tùy theo mức độ "nam tính" hay "nữ tính" của các em và tùy theo mức độ về sự kỳ thị giới tính của các em (xin xem phần chỉ số nam tính, nữ tính và sự phân biệt về giới được trình bày ở phần sau.)

- Sự mong đợi và việc giáo dục về tính cách của con trai và của con gái

"Anh chị mong con trai và con gái của anh chị có những tính gì?". Trước một câu hỏi mở, hoàn toàn không có một gợi ý gì, câu trả lời bộc phát của các bậc cha mẹ có thể chưa phản ánh hoàn toàn những mong đợi sâu xa của họ đối với con trai và con gái của họ, nhưng thông qua những ý kiến trên ta cũng có thể cũng hiểu được quan niệm về mẫu người đàn ông, người phụ nữ điển hình.

Bảng 3: Những tính cách được mong đợi nhất ở con trai và con gái.
(xếp theo cường độ từ mạnh đến yếu)

Trẻ em nam:	Trẻ em nữ:
- mạnh mẽ, cứng rắn, quyết đoán	- hiền hậu, dịu dàng, dễ thương, thùy mị
- tháo vát, nhanh nhẹn năng động	- đảm đang, quán xuyến
- tự lập	- tế nhị, ý tứ, kín đáo
- thẳng thắn, trung thực	- vâng lời, ngoan ngoãn
- ham học, học giỏi	- nét na, đức hạnh
- can đảm, dũng cảm	- sạch sẽ, gọn gàng
- hiếu thảo	- hiếu thảo
- đạo đức	- ham học
- giúp đỡ người khác	- chung thủy
- hoạt bát, vui vẻ	- thành thực, trung thực

Với câu hỏi được đặt với các bậc cha mẹ "Theo anh chị hiện nay thanh niên chọn vợ, chọn chồng theo những tiêu chuẩn nào?", chúng ta được những kết quả như sau:

Bảng 4: Tiêu chuẩn chọn người chồng / người vợ theo ý kiến của cha mẹ.

Các tiêu chuẩn:			
Ở người chồng:	% ý kiến	Ở người vợ:	% ý kiến
1. nghề nghiệp ổn định:	87.8	1. đảm đang:	86.7
2. chung thủy:	65.6	2. chung thủy:	80.0
3. khỏe mạnh:	64.4	3. nghề nghiệp ổn định:	65
4. tháo vát:	48.9	4. xinh đẹp, dễ nhìn:	60
5. trung thực:	48.3	5. khỏe mạnh:	50
6. biết xoay xở kiếm tiền:	45	6. tế nhị:	46.1
7. văn hóa cao:	39.4	7. trung thực:	40.6
8. có nhà cửa:	33.9	8. biết xoay xở kiếm tiền:	26.7
9. tế nhị:	23	9. văn hóa cao:	20
10. đẹp trai, dễ nhìn:	20	10. hợp tuổi :	11.7
11. hợp tuổi	7,8	11. có tiền của:	6.1
...		...	

Nhìn chung những tiêu chuẩn đòi hỏi ở người chồng (nghề nghiệp, sức khỏe, học vấn, nhà cửa) thiên về kinh tế, vật chất và là tiêu chuẩn của người "kiếm cơm" cho gia đình. Trong khi những tiêu chuẩn lớn nhất đòi hỏi ở người phụ nữ thuộc về tính cách, phẩm hạnh, sắc đẹp. Cũng cần lưu ý, mặc dù ở cùng mức độ tiêu chuẩn quan trọng, nhưng có sự khác biệt tỷ lệ về sự chung thủy giữa hai giới.

3. Nam tính, nữ tính và sự phân biệt giới tính

Chúng tôi dùng một thang điểm gồm 16 đề mục (items) để đo lường nam tính, nữ tính theo khuôn mẫu truyền thống, của các đối tượng nghiên cứu (trẻ em và cha mẹ). Các đề mục liên quan đến tính độc lập, tính năng động, tính cứng rắn, tính cạnh tranh, khả năng dễ đưa ra quyết định, tính kiên định, tính tự tin, tính tự tôn, vững chãi trước áp lực... để đo lường nam tính. Những đề mục để đo lường nữ tính gồm có những câu hỏi liên quan đến tính dễ xúc động, tính tận tụy với người khác, tính mềm dẻo, tính hay giúp đỡ người khác, khả năng dễ biết cảm xúc của người khác, dễ cảm thông với người khác, nhiệt tình trong quan hệ.

Nhìn chung chỉ số trung bình của trẻ em thấp hơn chỉ số trung bình của người lớn, điều này có nghĩa là càng lớn lên ý thức về các khuôn mẫu về giới càng có ý nghĩa, càng đậm nét hơn. Nhận định này càng được củng cố, nếu so sánh chỉ số về nam tính ở trẻ em nam (24.26) và ở trẻ em gái (23.80), ta thấy sự khác biệt không lớn và sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($t = 0.805$, $p = 0.42$). Nhưng chỉ số này ở người lớn có sự khác biệt ở hai giới (28.30 so với 26.42).

Để tìm hiểu thái độ phân biệt giới tính, chúng tôi đã dùng thang điểm với mười đề mục, tính theo thang điểm Likert (hoàn toàn đồng ý = 5, hoàn toàn không đồng ý = 1). Mười đề mục bao gồm các câu hỏi về thái độ đối với những tình huống và các ý kiến sau: con gái chơi đá bóng, con gái đánh trống trong đội văn nghệ, con gái cắt tóc ngắn như con trai, con gái đòi đi theo binh nghiệp, con gái cũng là trụ cột của gia đình, con trai chơi búp bê, con trai mặc áo màu mè, con trai đeo bông tai, con trai quá nhiều tình cảm, con trai là trụ cột của gia đình...

Như vậy với thang điểm này những ai có chỉ số cao là người cởi mở, ít có tinh thần phân biệt giới tính và ngược lại.

Kết quả phân tích thống kê cho thấy chỉ số trung bình của thang điểm này ở trẻ em là 24.81 và ở người lớn 22.85 và sự khác biệt này rất có ý nghĩa thống kê ($t = 3.78$, $p = 0.000$). Trẻ em càng nhỏ tuổi càng ít có thái độ hay hành vi phân biệt giới tính và càng lớn lên ý thức về giới và sự phân biệt giới gia tăng. Chỉ số này ở nam giới nói chung - bao gồm cả người lớn và trẻ em - là 24.26, ở nữ giới là 23.60, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ($t = 1.24$, $p = 0.211$).

Về mặt kinh tế, các bậc cha mẹ ở các gia đình càng khá giả thì càng ít có dấu óc phân biệt giới và ngược lại, bởi lẽ có tương quan giữa các loại hình gia đình(3) và chỉ số phân biệt giới ($r = 0.14$, $p = 0.031$). Phải chăng, luận điểm của các nhà xã hội học cho rằng giới trung lưu thường dạy cho con cái tính khoan dung vẫn đúng trong nghiên cứu này.

Nhưng trong sự phân biệt giới tính, yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng cả người lớn và trẻ em đó là trình độ học vấn. Người càng có trình độ học vấn cao, càng có dấu óc cởi mở và ít sự phân biệt về giới. ($r = 0.138$, $p = 0.008$). (Phép tính tương quan hồi qui bội càng khẳng định nhận định này).

4. Một vài nhận xét kết luận

Một vài dữ kiện về quá trình xã hội hóa về giới ở trẻ em Việt Nam cho thấy ít nhiều có một sự phân biệt về giới - nếu ta chưa muốn nói đến một chủ nghĩa kỳ thị về giới (sexism) trong những nền văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của Nho giáo. Mặc dù, như đã đề cập ở trên, một số tác giả thừa nhận người phụ nữ trong xã hội Việt Nam có một vai trò khá lớn trong gia đình so với một số nước Á châu khác.

Cần phải ý thức có những khuôn mẫu về giới chi phối con người ngay từ trước khi sinh ra. Trong xã hội Việt Nam, những khuôn mẫu về giới khá mạnh. Mạnh đến nỗi một số người vẫn tin những sự khác biệt về giới là những khác biệt do tự nhiên. Ngay cả phụ nữ cũng xem đó là những "bổn phận", là "thiên chức"

của mình. Những khuôn mẫu về giới được truyền lại cho trẻ em từ rất sớm: những mong đợi của cha mẹ về trẻ trai, trẻ gái xuất hiện ngay cả khi bà mẹ đang còn mang thai, ngay cả trong dự định đặt tên cho con.

Trẻ em nhận thức về quá trình xã hội hóa về giới rất sớm, ngay trong cách bồng bế của cha mẹ, trong cách ăn mặc, ứng xử, trong các đồ chơi, trò chơi. 86,7% trẻ em trai có chơi súng, 79,8% có chơi kiếm và 78,6% trẻ em gái không bao giờ chơi lái các loại xe... Ở đây chúng tôi không khẳng định có mối liên hệ nhân quả giữa các đồ chơi, trò chơi và các tính cách, các vai trò về giới, nhưng chúng tôi muốn nói rằng những kinh nghiệm mà trẻ em kinh qua khi còn nhỏ có thể làm các em quan tâm hơn, thích hơn một số lãnh vực nào đó khi các em lớn lên.

Kết quả của cuộc nghiên cứu cho thấy, 70,6% bậc cha mẹ không chấp nhận "con trai quá nhiều tình cảm". 56,5% người lớn và 45% trẻ em không đồng ý "con gái tham gia đội bóng đá", 54,4% và 36,5% tương ứng không đồng ý "con gái cắt tóc ngắn như con trai"... Nhưng hiện nay, một số nhà nghiên cứu đã đề xuất con người nên có lưỡng tính (androgyny) (P. J. Turner, 1995). Có nghĩa là con người phải có khả năng có cả những tính cách của nam giới và nữ giới. Điều này không có nghĩa đàn ông phải giống như phụ nữ và ngược lại, nhưng quan niệm này muốn nói lên rằng người đàn ông có thể vừa mạnh mẽ, tự lập (nam tính) nhưng đồng thời cũng tình cảm, biết quan tâm đến người khác (nữ tính).

Gần 95% người lớn và 90% trẻ em thống nhất với quan niệm: "con trai phải là trụ cột của gia đình". Con trai trong gia đình Việt Nam luôn được chờ đợi để làm chuyện "đại sự", "chuyện lớn". Trong khi ý kiến "con gái cũng phải là trụ cột của gia đình" chỉ được sự đồng ý của 35% người lớn và 30% trẻ em. 86,7% người lớn vẫn quan niệm một trong những tiêu chuẩn của người vợ là phải đảm đang và 60% (của cả hai giới) quan niệm "người vợ phải xinh đẹp, dễ nhìn". Các khuôn mẫu giới này tạo ra stress và căng thẳng cho cả hai giới trong quan hệ xã hội.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, trẻ em gái - nhất là các trẻ em gái trong các gia

đình lao động - được chuẩn bị rất sớm để làm những việc nội trợ trong gia đình. Đây thực sự là một sự hạn chế cho sự phát triển của các em. Các em sẽ không còn thời giờ để lo việc học hành, giải trí. Một xã hội bình đẳng phải tạo điều kiện cho trẻ em, nam và nữ - sau này trở thành những người vợ, người chồng - được tự do thảo luận trong sự phân công công việc trong gia đình.

Mặc dù đang có nhiều biến đổi, nhưng nhìn chung quá trình xã hội hóa về giới ở trẻ em Việt Nam - bắt nguồn từ một xã hội nông nghiệp - vẫn đang tiếp tục củng cố những khuôn mẫu về giới của gia đình phụ quyền cổ truyền. Những xã hội tiền công nghiệp chưa kiểm soát được các yếu tố tự nhiên, do đó sức mạnh thể chất của nam giới và sự không kiểm soát được quá trình tái sản xuất (sự sinh sản) ở người phụ nữ đã củng cố chế độ nam trị (patriarchy). Nhưng tiến bộ khoa học, sự phát triển máy móc công nghiệp đã làm giảm vai trò của sức mạnh cơ bắp và con người đã kiểm soát được quá trình sinh sản. Ngày nay sự khác biệt về thể chất không còn biện minh cho chế độ nam trị. Nhưng ngay ở các xã hội công nghiệp vẫn còn sự phân tầng xã hội về giới (gender stratification) trong công việc, trong lương bổng. Phải chăng chế độ nam trị là không tránh khỏi? Một vài nhà khoa học xã hội cho rằng các yếu tố sinh học là tiền đề cho những sự khác biệt về giới. Nếu vậy thì việc loại bỏ chế độ nam trị là rất khó và có khả năng là không có thể. Nhưng đa phần các nhà xã hội học đều khẳng định rằng giới trước hết là một cấu tạo xã hội, một sản phẩm xã hội (social product), do đó cũng sẽ thay đổi.

Sự bất bình đẳng về giới không chỉ biểu hiện ở phạm vi cộng đồng, trong lãnh vực xã hội, mà trước hết là ở định chế sơ cấp, quan trọng nhất, đó là gia đình. Gia đình từ lâu là chiếc nôi của quá trình xã hội hóa về giới. Chính ở gia đình mà hệ tư tưởng bất bình đẳng được tái tạo, truyền lại. Do vậy gia đình phải là một trong những tác nhân đi đầu trong việc tạo ra những giá trị bình đẳng giới.

CHÚ THÍCH

- (1) Mẫu nghiên cứu gồm 200 trẻ em và 180 người lớn kết hôn và có con. (Viết tắt TE= trẻ em; NL=người lớn)
- (2) Gia đình truyền thống ở đây chúng tôi muốn nói đến gia đình trước khi chịu văn hóa Tây phương.
- (3) Về mặt kinh tế, chúng tôi phân các gia đình thành ba loại: khá giả, trung bình, khó khăn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyen The Anh.1997. "La famille traditionnelle vietnamienne dans son évolution historique", *Approches Asie*. no 13.
2. Pham Van Bich. 1999. *The Vietnamese Family in change - the case of Red River Delta*, Euzon.
3. Thái thị Ngọc Dư. 2002. *Giới và phát triển*. TPHCM: ĐHMBC.
4. Dinh Trong Hieu. 1997. "La doctrine des lettrés. Le Quotidien: corps et sexualité chez les Viets", *Approches Asie*, no 13.
5. Nguyễn Xuân Nghĩa. 2000. *Tổng quan các lý thuyết về sự phát triển vai trò giới. Quá trình xã hội hóa về giới ở trẻ em*. TPHCM: ĐHMBC.
6. Helle Rydstrom. 1998. *Embodying Morality - Girls' Socialization in a North Vietnamese Commune*, Linkoping University.
7. Joachim Theis và tđk. 1998. *Child Labour in Ho Chi Minh City*, Save the Children.,
8. Tran Ngoc Them. 2001. *Recherche sur l'identité de la culture vietnamienne*. Ha Noi:Edit. The Gioi.
9. Lê Thi. 1997. *Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb Phụ Nữ.
10. Nguyễn Thế Truyền. 2000. "Người Việt đặt tên cho con như thế nào". *Đặc san Ngôn ngữ và đời sống*. Số Xuân Canh Thìn.
11. Patricia J. Turner. 1995. *Sex, gender and Identity*, Leicester, The British Psychological Society Books,
12. Lê Thị Nhâm Tuyết.1975. *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

TÓM TẮT

Sự bất bình đẳng về giới không chỉ biểu hiện ở phạm vi cộng đồng, trong lãnh vực xã hội, mà trước hết là ở định chế sơ cấp, quan trọng nhất, đó là gia đình. Gia đình từ lâu là chiếc nôi của quá trình xã hội hóa về giới. Chính ở gia đình mà hệ tư tưởng bất bình đẳng được tái tạo, truyền lại. Do vậy gia đình phải là một trong những tác nhân đi đầu trong việc tạo ra những giá trị bình đẳng giới.

SUMMARY

Inequality of the sexes is not only portrayed in the community, in society, but originally lies in the basic foundations, the most important being the family. The family has for long been the cradle of socialization of the sexes. It is from the family that the beliefs of inequality is formed and passed down from generation to generation. Therefore, the family should be the pioneer in establishing the value of equality of the sexes.